

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn theo Quyết định số 5134/QĐ-UBND ngày 05/10/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 3 số 0301055612 ngày 24 tháng 01 năm 2013 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30 tỷ đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch
Ông Tạ Thái Mẫn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Lê Hoàng Thanh Thảo	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/12/2015)
Ông Lê Phương Nam	Thành viên
Bà Ngô Thị Thu Thủy	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 30/12/2015)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Minh Tuấn	Trưởng ban
Ông Phan Sum	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/12/2015)
Bà Bùi Nguyễn Tường Anh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Ngoạn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/07/2015)
Ông Lê Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vĩnh Thuận	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ tháng 09/2015)

CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Số: 16.284HN/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 07 tháng 03 năm 2016 từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC****PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC****LỤC THỊ VÂN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN**HUỲNH THỊ NGỌC TRINH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 2124-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.102.850.383	89.321.328.449
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	33.148.772.237	28.857.553.583
1. Tiền	111		14.254.793.849	15.789.716.928
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.893.978.388	13.067.836.655
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	36.398.713.000	39.317.260.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		541.439.298	541.439.298
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(142.726.298)	(224.179.298)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		36.000.000.000	39.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.076.812.426	20.527.528.368
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	13.852.389.727	16.519.593.264
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		275.276.000	213.853.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	3.211.373.779	4.003.829.804
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.5)	(262.227.080)	(209.747.900)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		478.552.720	618.986.498
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		115.233.133	128.563.754
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	(5.9)	211.159.874	164.492.698
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.9)	152.159.713	325.930.046
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.475.065.937	41.425.385.281
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23.516.425.300	24.363.158.700
1. Phải thu dài hạn khác	216	(5.4)	23.516.425.300	24.363.158.700
II. Tài sản cố định	220		3.672.765.599	4.105.492.103
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	3.672.765.599	4.105.492.103
Nguyên giá	222		5.642.794.426	5.642.794.426
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.970.028.827)	(1.537.302.323)
III. Bất động sản đầu tư	240	(5.8)	8.683.966.847	10.241.496.287
Nguyên giá	241		23.369.528.709	23.369.528.709
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(14.685.561.862)	(13.128.032.422)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	(5.6)	351.238.191	351.238.191
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		351.238.191	351.238.191
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)	5.100.000.000	2.100.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.800.000.000	1.800.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3.300.000.000	300.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		150.670.000	264.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		150.670.000	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			264.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		128.577.916.320	130.746.713.730

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		69.950.417.539	71.865.544.469
I. Nợ ngắn hạn	310		23.447.774.416	21.379.200.926
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311			303.830.100
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		290.780.000	189.173.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.9)	7.862.247.911	5.712.178.232
4. Phải trả người lao động	314	(5.10)	1.540.182.456	1.330.586.373
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		75.000.000	90.000.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		27.500.000	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.11)	12.503.638.423	12.765.434.376
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.12)	1.148.425.626	987.998.845
II. Nợ dài hạn	330		46.502.643.123	50.486.343.543
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			25.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	(5.11)	44.551.143.123	48.256.843.543
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.13)	1.951.500.000	2.204.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58.627.498.781	58.881.169.261
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.14.1)	58.627.498.781	58.881.169.261
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.14.2)	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.084.803.063	21.339.810.829
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.542.695.718	7.541.358.432
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.526.690.222	3.629.597.066
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.016.005.496	3.911.761.366
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		128.577.916.320	130.746.713.730

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ TÂN TÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ MẠNH HÙNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2016

CÔNG TÔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		204.300.183.832	190.678.371.047
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	204.300.183.832	190.678.371.047
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	184.824.431.889	172.153.278.583
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.475.751.943	18.525.092.464
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	3.250.836.883	3.829.708.070
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	119.049.003	53.482.435
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		81.407.273	70.319.801
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24			18.745.535
9. Chi phí bán hàng	25		142.671.110	127.824.479
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.5)	15.101.768.280	14.895.403.111
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.363.100.433	7.296.836.044
12. Thu nhập khác	31	(6.6)	1.232.892.026	1.822.527.882
13. Chi phí khác	32		88.639.332	63.795.500
14. Lợi nhuận khác	40		1.144.252.694	1.758.732.382
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.507.353.127	9.055.568.426
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	1.679.535.256	1.565.532.139
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		264.000.000	520.357.990
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.563.817.871	6.969.678.297
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		6.563.817.871	6.969.678.297
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.14.5)	1.815	2.012
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.14.5)	1.815	2.012

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






LÊ TẤN TÀI

LÊ MẠNH HÙNG

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.507.353.127	9.055.568.426
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		1.990.255.944	1.893.192.768
Các khoản dự phòng	03		(28.973.820)	8.738.600
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(13.325.182)	13.154.467
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.123.127.807)	(3.665.715.568)
Chi phí lãi vay	06		81.407.273	12.214.854
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		7.413.589.535	7.317.153.547
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.876.122.201	2.086.436.359
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.158.164.581)	13.250.482.483
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(137.339.379)	(14.624.792)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13			66.700.000
Tiền lãi vay đã trả	14		(52.238.273)	(12.214.854)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.315.903.386)	(3.413.833.544)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		300.000.000	260.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.257.061.570)	(1.154.540.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.669.004.547	18.385.558.599
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(1.282.536.364)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(67.950.000.000)	(53.300.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		68.133.000.000	52.986.400.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			143.413.900
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.669.686.807	4.218.162.033
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.852.686.807	2.765.439.569

(Phần tiếp theo trang 9)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.922.590.830	6.260.293.006
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.425.590.830)	(6.260.293.006)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.757.190.000)	(5.043.019.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.260.190.000)	(5.043.019.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		4.261.501.354	16.107.979.168
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		28.857.553.583	12.738.895.017
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		29.717.300	10.679.398
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	(5.1)	33.148.772.237	28.857.553.583

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






LÊ TÂN TÀI

LÊ MẠNH HÙNG

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn theo Quyết định số 5134/QĐ-UBND ngày 05/10/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 3 số 0301055612 ngày 24 tháng 01 năm 2013 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 VND, chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (đại diện vốn nhà nước)	15.300.000.000	51%	15.300.000.000	51%
Các cổ đông khác	14.700.000.000	49%	14.700.000.000	49%
Cộng	30.000.000.000	100%	30.000.000.000	100%

Công ty có đầu tư vào 3 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.051 người (31/12/2014: 2.725 người). Trong đó, nhân viên chính tại văn phòng Công ty là 46 người (31/12/2014: 55 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ đa ngành; dịch vụ tiếp thị bia.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Dịch vụ tiếp thị bia;
- Các hoạt động liên quan đến bất động sản, kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê (trừ cho thuê đất), cho thuê nhà ở, cho thuê nhà phục vụ cho mục đích kinh doanh (văn phòng làm việc, ki-ốt, trung tâm thương mại);

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

- Cho thuê kho, bãi đậu xe;
- Dịch vụ nhà đất;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Điều hành tour du lịch;
- Vận tải hành khách bằng xe khách nội địa liên tỉnh;
- Khách sạn, nhà hàng, quán ăn (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý bán vé máy bay;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: tư vấn giáo dục, du học;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Giáo dục khác: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Các công ty con trực tiếp:

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Du Lịch	Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Nhân Lực	Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương	Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm, Tập đoàn đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

4.2. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Tập đoàn áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
+ Tài sản cố định khác	03 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

4.8. Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 13 năm
+ Máy móc thiết bị	08 - 10 năm
+ Bất động sản đầu tư khác	10 năm

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

4.9. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phân ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Trong năm 2015, Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận căn cứ theo Điều lệ của Công ty đối với tỷ lệ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2015, cụ thể như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính trích lập 5% trên lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập 15% trên lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ đầu tư phát triển trích lập 5% trên lợi nhuận sau thuế.
- Chia cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 14% trên mệnh giá cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

4.12. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.14. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.15. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong năm.

4.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành là 22%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Dịch vụ cung ứng lao động	10%
+ Dịch vụ cho thuê nhà và ủy thác thuê nhà	10%
+ Kinh doanh lữ hành nội địa	10%
+ Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	0%
+ Kinh doanh lữ hành quốc tế	Không chịu thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn.

4.19. Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

4.20. Số liệu so sánh

Như trình bày tại mục 4.2, từ năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một vài số liệu của bảng cân đối hợp nhất ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 đã được điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	VND	
	Đầu năm	Đầu năm
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	4.003.829.804	3.771.552.944
Tài sản ngắn hạn khác	-	232.276.860
Phải thu dài hạn khác	24.363.158.700	-
Tài sản dài hạn khác	-	24.363.158.700
Tài sản cố định hữu hình (Nguyên giá)	5.642.794.426	24.400.664.851
Bất động sản đầu tư (Nguyên giá)	23.369.528.709	4.611.658.284
Tài sản cố định hữu hình (Giá trị hao mòn lũy kế)	(1.537.302.323)	(10.053.676.461)
Bất động sản đầu tư (Giá trị hao mòn lũy kế)	(13.128.032.422)	(4.611.658.284)
Quỹ đầu tư phát triển	21.339.810.829	17.626.140.986
Quỹ dự phòng tài chính	-	3.713.669.843

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích)

	VND	
	Năm trước	Năm trước
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Tăng, giảm các khoản phải thu	2.086.436.359	(3.477.632.040)
Tăng, giảm các khoản phải trả	13.250.482.483	16.535.266.303
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	260.000.000	7.902.764.999
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.154.540.600)	(6.518.021.000)

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tên chỉ tiêu	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Tạm ứng; ký cược, ký quỹ ngắn hạn	Trình bày là phải thu ngắn hạn khác	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác
Ký cược, ký quỹ dài hạn	Trình bày là phải thu dài hạn khác	Trình bày là tài sản dài hạn khác
Dòng tiền từ ký quỹ, ký cược	Trình bày là tăng, giảm các khoản phải thu, phải trả	Trình bày là tiền thu, chi khác từ hoạt động kinh doanh

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	275.902.491	254.148.720
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.978.891.358	15.535.568.208
Các khoản tương đương tiền	18.893.978.388	13.067.836.655
Cộng	<u>33.148.772.237</u>	<u>28.857.553.583</u>

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phường Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Đầu năm			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư cổ phiếu:							
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	169.179.000	-	169.179.000	169.179.000	(71.634.000)	97.545.000	
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	134.827.022	(87.643.022)	47.184.000	134.827.022	(97.867.022)	36.960.000	
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	59.389.600	(31.789.600)	27.600.000	59.389.600	(26.509.600)	32.880.000	
Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn	140.000.000	-	140.000.000	140.000.000	(8.000.000)	132.000.000	
Đầu tư cổ phiếu vào công ty khác	38.043.676	(23.293.676)	14.750.000	38.043.676	(20.168.676)	17.875.000	
Cộng	541.439.298	(142.726.298)	398.713.000	541.439.298	(224.179.298)	317.260.000	

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và dài hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng với lãi suất từ 6,3%/năm đến 6,6%/năm.

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Đầu năm			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:							
Công ty Cổ phần Đầu Tư Căn Hộ Xanh CT - Dầu Khí	1.800.000.000	-	1.800.000.000	1.800.000.000	-	1.800.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

5.3. Phải thu khách hàng

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam	12.216.744.506	14.122.009.281
Các khách hàng khác	<u>1.635.645.221</u>	<u>2.397.583.983</u>
Cộng	<u>13.852.389.727</u>	<u>16.519.593.264</u>

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 7

Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam	12.216.744.506	14.122.009.281
-----------------------------------	----------------	----------------

5.4. Phải thu khác

	VND			
	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu tiền hỗ trợ từ Công ty Đầu Tư Căn Hộ Xanh CT - Dầu khí	-	-	1.200.000.000	-
Phải thu tiền BHXH của Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam - Xem thêm mục 7	1.666.885.858	-	1.944.175.144	-
Phải thu chi phí thẩm định dự án khu đất 259 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM	280.692.700	-	280.692.700	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	847.770.000	-	329.348.000	-
Phải thu người lao động	155.099.380	-	226.276.860	-
Ký cược, ký quỹ	6.000.000	-	6.000.000	-
Phải thu khác	<u>254.925.841</u>	-	<u>17.337.100</u>	-
Cộng	<u>3.211.373.779</u>	-	<u>4.003.829.804</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Dài hạn:

Đặt cọc tiền thuê nhà số 28 Võ Trường Toản, phường An Phú, Quận 2, TP.HCM	13.562.615.300	20.758.158.700
Đặt cọc tiền thuê nhà số 16 Phùng Khắc Hoan, phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM	50.000.000	50.000.000
Đặt cọc thuê nhà B2-201 Tháp Boulevard, City Garden	55.000.000	55.000.000
Khoản ký quỹ tại Ngân hàng Đông Á để xin giấy phép cho thuê lại lao động	2.000.000.000	2.000.000.000
Ký quỹ hoạt động xuất khẩu lao động cho công ty	1.000.000.000	1.000.000.000
Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	500.000.000	500.000.000
Ký quỹ của người lao động đi nước ngoài	6.348.810.000	-
Cộng	<u>23.516.425.300</u>	<u>24.363.158.700</u>

5.5. Nợ xấu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	545.657.600	283.430.520	297.644.600	87.896.700

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	VND					
	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Vostock-1	189.534.800	-	Phá sản	189.534.800	-	Phá sản
Nghiệp đoàn Chushikoku NB	-	-	-	54.559.800	50.411.700	Dưới 6 tháng
Nghiệp đoàn Ajia Kensetsu Keizi Kyryu Kyodo Kumiai	302.572.800	256.655.520	Trên 6 tháng	-	-	-
Các đối tượng khác	53.550.000	26.775.000	Trên 1 năm	53.550.000	37.485.000	Trên 1 năm
Cộng	<u>545.657.600</u>	<u>283.430.520</u>		<u>297.644.600</u>	<u>87.896.700</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

5.6. Tài sản dở dang dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang:		
Chi phí của Công trình 20-22-24 Nguyễn Thị Nhỏ	224.246.809	224.246.809
Chi phí của Công trình 223 Bến Bình Đông	<u>126.991.382</u>	<u>126.991.382</u>
Cộng	<u>351.238.191</u>	<u>351.238.191</u>

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	VND			
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.660.293.209	2.950.179.992	32.321.225	5.642.794.426
Số dư cuối năm	<u>2.660.293.209</u>	<u>2.950.179.992</u>	<u>32.321.225</u>	<u>5.642.794.426</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	931.102.620	573.878.478	32.321.225	1.537.302.323
Khấu hao trong năm	106.411.728	326.314.776	-	432.726.504
Số dư cuối năm	<u>1.037.514.348</u>	<u>900.193.254</u>	<u>32.321.225</u>	<u>1.970.028.827</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.729.190.589	2.376.301.514	-	4.105.492.103
Tại ngày cuối năm	<u>1.622.778.861</u>	<u>2.049.986.738</u>	<u>-</u>	<u>3.672.765.599</u>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 371.983.035 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

5.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	VND		
Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Số cuối năm
Bất động sản đầu tư cho thuê:			
Nguyên giá:			
Nhà cửa vật kiến trúc	15.588.307.115	-	15.588.307.115
Cơ sở hạ tầng	7.781.221.594	-	7.781.221.594
Cộng	<u>23.369.528.709</u>	<u>-</u>	<u>23.369.528.709</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Nhà cửa vật kiến trúc	8.170.326.000	1.063.978.536	9.234.304.536
Cơ sở hạ tầng	4.957.706.422	493.550.904	5.451.257.326
Cộng	<u>13.128.032.422</u>	<u>1.557.529.440</u>	<u>14.685.561.862</u>
Giá trị còn lại:			
Nhà cửa vật kiến trúc	7.417.981.115		6.354.002.579
Cơ sở hạ tầng	2.823.515.172		2.329.964.268
Cộng	<u>10.241.496.287</u>		<u>8.683.966.847</u>

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.678.763.816 đồng.

Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư chưa được Công ty đánh giá và xác định lại giá trị vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên dựa trên tỷ lệ cho thuê các tài sản này và giá thị trường của đất, Ban Tổng Giám đốc công ty đánh giá rằng giá trị thị trường của các bất động sản đầu tư này cao hơn tổng giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

(Phần tiếp theo ở trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND					
	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	164.492.698	1.509.349.119	19.013.626.545	19.277.731.689	211.159.874	1.291.911.151
Thuế thu nhập doanh nghiệp	325.930.046	23.085.201	1.679.535.256	1.315.903.386	152.159.713	212.946.738
Thuế thu nhập cá nhân	-	101.238.508	664.329.115	700.659.605	-	64.908.018
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	4.002.570.000	2.700.804.498	436.724.498	-	6.266.650.000
Thuế môn bài	-	-	13.500.000	13.500.000	-	-
Các loại thuế, lệ phí khác	-	75.935.404	1.954.776.127	2.004.879.527	-	25.832.004
Cộng	490.422.744	5.712.178.232	26.026.571.541	23.749.398.705	363.319.587	7.862.247.911

5.10. Phải trả người lao động

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả lương nhân viên trong công ty	1.488.560.553	1.292.257.610
Phải trả lương nhân viên ngoài công ty	51.621.903	38.328.763
Tổng cộng	1.540.182.456	1.330.586.373

5.11. Phải trả khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Tiền hỗ trợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Căn Hộ Xanh CT - Dầu khí	-	1.200.000.000
Lao động đi nước ngoài	12.450.492.331	11.448.502.005
Các khoản phải trả khác	53.146.092	116.932.371
Cộng	12.503.638.423	12.765.434.376

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Dài hạn:

Công ty Cổ phần Giáo Dục Quốc Tế (IEC)	37.795.483.123	40.569.883.543
Ký quỹ xuất khẩu LĐ của người lao động đi nước ngoài	6.348.660.000	7.301.460.000
Các khoản phải trả khác	407.000.000	385.500.000
Cộng	<u>44.551.143.123</u>	<u>48.256.843.543</u>

Ký quỹ xuất khẩu LĐ của người lao động đi nước ngoài là các khoản tiền thu ký quỹ theo qui định tại Thông tư 21/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 10 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

5.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	987.998.845	929.789.286
Trích lập trong năm	1.117.488.351	934.750.159
Tăng khác	300.000.000	260.000.000
Sử dụng trong năm	<u>(1.257.061.570)</u>	<u>(1.136.540.600)</u>
Số dư cuối năm	<u>1.148.425.626</u>	<u>987.998.845</u>

5.13. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ dài hạn là khoản các tiền vay từ người lao động đi nước ngoài từ trước năm 2013 như một hình thức ký quỹ nhằm tránh tình trạng bỏ trốn của người lao động (Theo Thông tư 21/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 10 năm 2013 thì từ ngày 01 tháng 12 năm 2013 mới được phép thu tiền ký quỹ đối với lao động đi nước ngoài).

(Phần tiếp theo ở trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

5.14. Vốn chủ sở hữu

5.14.1. Biến động của vốn chủ sở hữu

	VND				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	17.314.557.600	3.402.086.457	7.662.597.066	58.379.241.123
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	6.969.678.297	6.969.678.297
Trích lập quỹ	-	311.583.386	311.583.386	(1.557.916.931)	(934.750.159)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.100.000.000)	(5.100.000.000)
Thường Ban Quản lý, điều hành	-	-	-	(415.000.000)	(415.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(18.000.000)	(18.000.000)
Tăng quỹ đầu tư phát triển từ quỹ dự phòng tài chính	-	3.713.669.843	(3.713.669.843)	-	-
Số dư đầu năm nay	<u>30.000.000.000</u>	<u>21.339.810.829</u>	<u>-</u>	<u>7.541.358.432</u>	<u>58.881.169.261</u>
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	6.563.817.871	6.563.817.871
Trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn	-	744.992.234	-	(744.992.234)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.117.488.351)	(1.117.488.351)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
Số dư cuối năm	<u>30.000.000.000</u>	<u>22.084.803.063</u>	<u>-</u>	<u>6.542.695.718</u>	<u>58.627.498.781</u>

5.14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (đại diện vốn nhà nước)	15.300.000.000	51%	15.300.000.000	51%
Các cổ đông khác	<u>14.700.000.000</u>	<u>49%</u>	<u>14.700.000.000</u>	<u>49%</u>
Tổng cộng	<u>30.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>30.000.000.000</u>	<u>100%</u>

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, các cổ đông Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

5.14.3. Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chi trả trong năm	5.757.190.000	5.043.019.000

5.14.4. Cổ phần

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.		

5.14.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	6.563.817.871	6.969.678.297
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.117.488.351)	(934.750.159)
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm của Công ty mẹ	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.815	2.012

5.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	27.553,83	37.539,00

(Phần tiếp theo ở trang 29)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ giới thiệu việc làm và cung ứng lao động	172.089.613.142	148.266.213.322
Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà mặt bằng và dịch vụ ủy thác nhà	21.246.422.416	21.174.984.320
Doanh thu dịch vụ du lịch	<u>10.964.148.274</u>	<u>21.237.173.405</u>
Doanh thu thuần	<u>204.300.183.832</u>	<u>190.678.371.047</u>
Doanh thu đối với các bên có liên quan - Xem thêm mục 7		
Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam - xem thêm mục 6.1	167.810.084.764	137.784.362.064

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ giới thiệu việc làm và cung ứng lao động	162.783.845.962	139.663.375.421
Giá vốn dịch vụ cho thuê nhà mặt bằng và dịch vụ ủy thác nhà	11.775.732.578	11.983.640.069
Giá vốn dịch vụ du lịch	<u>10.264.853.349</u>	<u>20.506.263.093</u>
Tổng cộng	<u>184.824.431.889</u>	<u>172.153.278.583</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.153.152.231	3.707.745.434
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.666.000	20.619.600
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.202.717	66.112.158
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.506.359	33.005.879
Doanh thu hoạt động tài chính khác	<u>26.309.576</u>	<u>2.224.999</u>
Tổng cộng	<u>3.250.836.883</u>	<u>3.829.708.070</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	81.407.273	70.319.801
Lỗ do bán chứng khoán	-	83.620.000
Chi phí định giá công ty con	-	9.090.909
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(81.453.000)	(201.009.300)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.776.696	67.276.557
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.181.177	23.572.339
Chi phí tài chính khác	67.136.857	612.129
Tổng cộng	119.049.003	53.482.435

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	8.324.412.454	7.659.288.600
Chi phí nguyên vật liệu	31.288.034	199.544.186
Chi phí đồ dùng văn phòng	53.288.309	63.332.609
Chi phí khấu hao tài sản cố định	432.726.504	299.128.964
Thuế, phí và lệ phí	2.295.539.516	2.434.731.244
Chi phí dự phòng	52.479.180	209.747.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.294.523.901	1.129.543.190
Chi phí bằng tiền khác	2.617.510.382	2.900.086.418
Tổng cộng	15.101.768.280	14.895.403.111

6.6. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền hỗ trợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT- Dầu khí	1.200.000.000	1.800.000.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	3.636.364	-
Thu nhập khác	29.255.662	22.527.882
Tổng cộng	1.232.892.026	1.822.527.882

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.679.535.256	1.565.532.139
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.679.535.256</u>	<u>1.565.532.139</u>

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	64.828.197	136.787.726
Chi phí nhân công	171.284.073.669	147.738.124.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.990.255.944	1.893.192.768
Chi phí dự phòng	52.479.180	209.747.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.843.694.319	30.649.261.277
Chi phí bằng tiền khác	<u>5.833.539.970</u>	<u>6.549.392.281</u>
Tổng cộng	<u>200.068.871.279</u>	<u>187.176.506.173</u>

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập đoàn:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam	Chủ tịch HĐQT là Thành viên HĐQT Công ty mẹ
3. Hội đồng quản trị	Nhân sự quản lý chủ chốt
4. Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt
5. Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư công nợ phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam		
<i>Phải thu khách hàng - xem thêm mục 5.3</i>	12.216.744.506	14.122.099.281
<i>Phải thu khác - xem thêm mục 5.4</i>	1.666.885.858	1.944.175.144

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ - xem thêm mục 6.1	167.810.084.764	137.784.362.064

- Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	2.555.738.000	1.679.624.000
Thù lao của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	<u>372.000.000</u>	<u>367.625.000</u>
Tổng cộng	<u>2.927.738.000</u>	<u>2.047.249.000</u>

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

9. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 07 tháng 03 năm 2016.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ TẤN TÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ MẠNH HÙNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG